

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm tài chính 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sông Đà 10
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900189357, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/05/2015.
- Vốn điều lệ: **427.323.110.000 đồng** (Bốn trăm hai bảy tỷ, ba trăm hai ba triệu, một trăm mười nghìn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **427.323.110.000 đồng**
- Địa chỉ: Tầng 10, 11 khu B, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 37683998
- Số Fax: 024 37683991/024 37683997
- Website: songda10.com.vn
- Mã cổ phiếu: SDT
- Các từ ngữ viết tắt:

Công ty cổ phần Sông Đà 10:	Công ty
Đại hội đồng cổ đông:	ĐHĐCĐ
Hội đồng quản trị:	HĐQT
Ban kiểm soát:	BKS
Sản xuất kinh doanh:	SXKD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 10 là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà, tiền thân là Công ty Xây dựng công trình ngầm được thành lập theo quyết định số 54/BXD-TCCB ngày 11/2/1981 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, Công ty có nhiều tên gọi khác nhau như: Công ty Xây dựng công trình Ngầm, Công ty xây dựng Công trình ngầm Sông Đà 10 và đổi tên thành Công ty Sông Đà 10 vào năm 2002.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã tham gia thi công xây dựng các hạng mục công trình ngầm, khoan nổ mìn bằng hồ móng công trình, khoan phun gia cố và xử lý nền móng,... tại các công trình xây dựng lớn của Quốc gia như: Nhà máy thủy điện Hòa Bình - công suất 1.920 MW, nhà máy thủy điện Yaly công suất 720 MW, nhà máy thủy điện Sông Hinh, Hầm đường bộ qua đèo Hải Vân, đường Hồ Chí Minh, thủy điện Sơn La, thủy điện Huội Quảng, thủy điện Lai Châu, thủy điện Thượng Kon Tum, hầm đường bộ qua Đèo Cả, công trình Hầm mũi Trâu, thủy điện Đăkmi2. Ngoài ra Công ty tham gia xây dựng các công trình tại nước CHDC nhân dân Lào như: Công trình thủy điện Xekaman3, Namtheun, Nam Emoun.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà Nước về sắp xếp, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Từ năm 2005, Công ty đã từng bước tiến hành Cổ phần hóa doanh nghiệp, ngày 14/11/2005 Bộ trưởng Bộ Xây dựng có quyết định số 2114/QĐ-BXD chính thức chuyển Công ty Sông Đà 10 thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 12 năm 2005 Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0103010419 do sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/05/2015.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 43/QĐ-TTGDHN ngày 27/11/2006 với mã chứng khoán SDT. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Tại thời điểm thành lập, Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng. Qua nhiều năm hoạt động và thông qua các đợt phát hành tăng vốn, đến thời điểm cuối năm 2020 Vốn điều lệ của Công ty là 427.323.110.000 đồng.

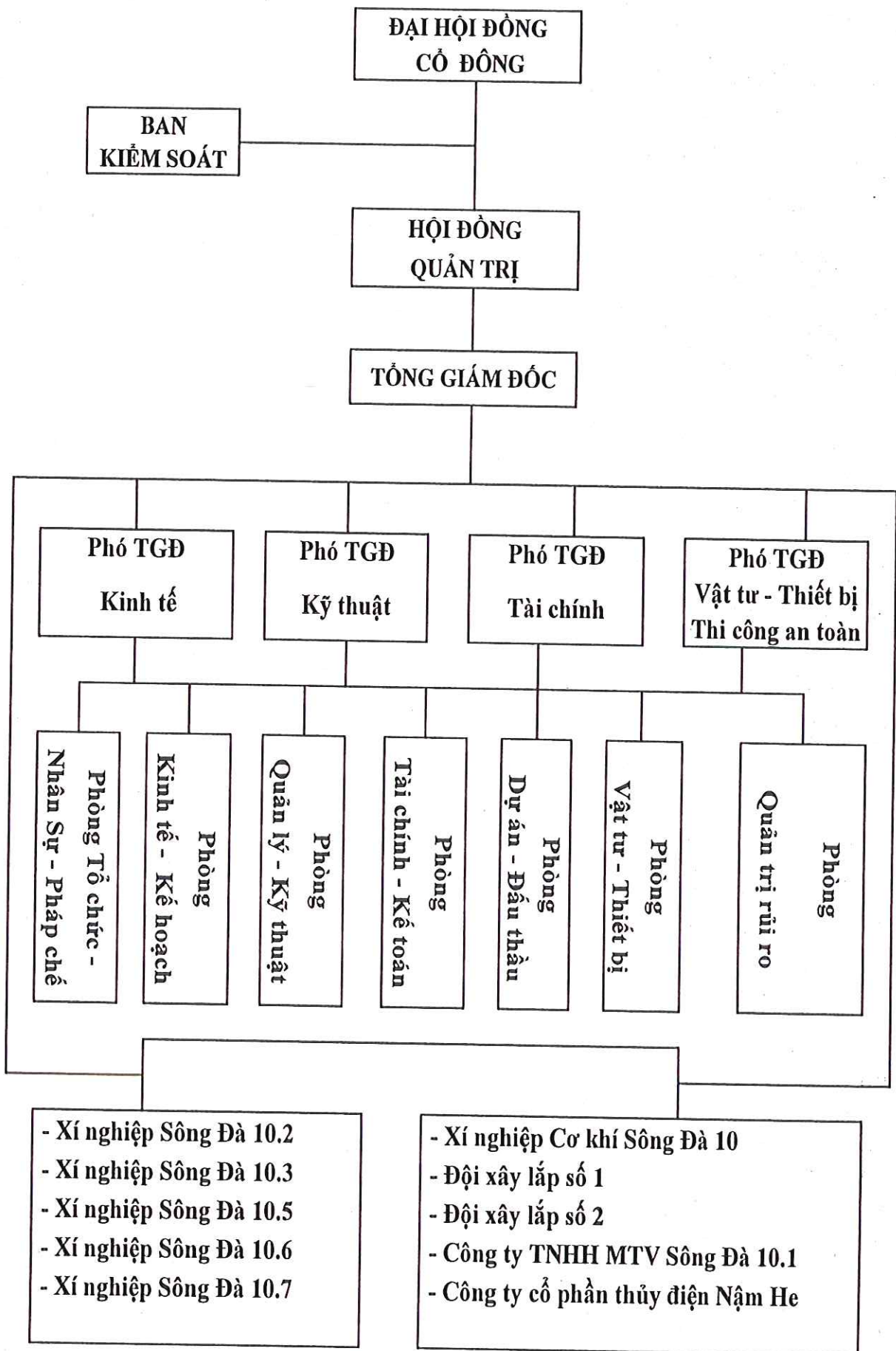
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình ngầm và dịch vụ dưới lòng đất;
- Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và xây dựng các công trình khác;
- Xây dựng công trình công nghiệp, công trình công cộng, nhà ở;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các khu công nghiệp, cảng biển;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện thương phẩm;
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu: Phương tiện vận tải cơ giới chuyên dùng, chợ hàng hóa, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng trong thi công xây dựng và phục vụ thi công xây dựng có trọng tải đến 40 tấn;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô xe máy;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Trang trí nội thất;

- Tư vấn xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật);
 - Khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (Trừ khoáng sản nhà nước cấm).
- 2.2 Địa bàn kinh doanh:** Năm 2021 Công ty chủ yếu thi công các công trình như:
- Tỉnh Quảng Nam: Công trình thủy điện Đăkmi2
 - Nước CHDCND Lào: Công trình thủy điện Xekaman3, Nam Emoun.
 - Tỉnh Gia Lai: Công trình thủy điện Yaly mở rộng
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
- 3.1 Mô hình quản trị Công ty**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

- Thành phần Hội đồng Quản trị: Gồm 05 thành viên
- Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên
- Thành phần Ban lãnh đạo Công ty: Gồm Tổng giám đốc, 04 phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

a) Các công ty con

- Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 10.1

Địa chỉ: Xã Iamônông, Huyện Chupăh, Tỉnh Gia Lai

Vốn điều lệ: 46.630.600.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty là: 100%

- Công ty cổ phần thủy điện Nậm He

Địa chỉ: Bản Mường Tùng, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, khai thác quặng sắt, sản xuất và kinh doanh điện năng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng và lắp đặt trạm điện trung, cao thế, giám sát các công trình thủy điện.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty là: 57,74%

b) Công ty liên kết

Công ty cổ phần Sông Đà 10.9

Địa chỉ: Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp các công trình thủy điện, dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty là: 29,1%. Sau ngày 30/9/2021, CTCP Sông Đà 10.9 không còn là Công ty liên kết của Công ty.

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển bền vững theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các dịch vụ xây lắp. Lấy hiệu quả kinh tế, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp làm nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo hài hòa các lợi ích: Nhà nước, khách hàng, cổ đông và người lao động. Đóng góp ngày càng nhiều lợi ích cho cuộc sống con người và xã hội.

- Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty, giữ vững thương hiệu và là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng các công trình ngầm, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

+ Tốc độ tăng trưởng trung bình 5-7%/năm;

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu trung bình 3-5%;

- + Mô hình quản lý tối ưu, chuyên nghiệp, trình độ quản lý tiên tiến ngang tầm khu vực Đông Nam Á;
- + Bảo toàn và gia tăng vốn chủ sở hữu;
- + Chất lượng nguồn nhân lực và trình độ quản lý ngày càng được nâng cao;
- + Xe máy, thiết bị và công nghệ thi công ngày càng tân tiến.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

– Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện “Đề án tái cấu trúc Công ty” giai đoạn 2021-2025 trong đó đặc biệt chú trọng các vấn đề sau:

- + Công tác sắp xếp tổ chức: Thực hiện việc sắp xếp lại các Xí nghiệp, các tổ đội sản xuất theo hướng tăng quy mô cả về nhân lực và máy móc thiết bị.
- + Sắp xếp lại các phòng ban cho phù hợp với tình hình mới.
- + Thoái toàn bộ vốn các khoản đầu tư tài chính ngoài ngành không hiệu quả để tập trung vốn cho ngành nghề chính của Công ty. Thoái vốn tại Công ty cổ phần thủy điện Nậm He, CTCP Sông Đà 10.9.

– Chiến lược quản lý, chỉ đạo điều hành trong sản xuất kinh doanh

- + Xây dựng mô hình quản lý, điều hành Công ty phù hợp với trình độ khu vực, tiến tới phù hợp với trình độ thế giới.
- + Tập trung chỉ đạo điều hành các hoạt động, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với hoạt động của Công ty.
- + Xây dựng, hoàn thiện quy định về quản lý, tổ chức cán bộ theo hướng phân công, phân cấp hợp lý, đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò trách nhiệm của tổ chức, người đứng đầu tổ chức trong công tác cán bộ.
- + Tăng cường tính chủ động sáng tạo tự chịu trách nhiệm và nâng cao hiệu quả SXKD của các đơn vị thành viên. Tăng cường sự kiểm tra giám sát của Công ty, xây dựng và ban hành các chế tài cụ thể. Sử dụng các công nghệ, biện pháp hiện đại trong quản lý, điều hành SXKD.

– *Chiến lược phát triển thị trường:* Tiếp tục xây dựng và giữ vững mối quan hệ với các khách hàng truyền thống. Tập trung phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường nước ngoài và nâng cao yếu tố cạnh tranh khi đấu thầu:

+ *Thị trường trong nước:* Giữ vững và tiếp tục tăng thị phần chiếm lĩnh thị trường trên phạm vi toàn quốc về các lĩnh vực: Xây dựng các công trình thủy điện, xây dựng các công trình ngầm, khoan nổ phá đá, khoan phun gia cố, sử lý nền móng. Bám sát tiến độ đầu tư các dự án như: Các dự án thủy điện xây mới, mở rộng và thủy điện tích năng; Các dự án hầm đường bộ, đường sắt để kịp thời tiếp thị, tìm kiếm việc làm thông qua hình thức đấu thầu, chỉ định thầu, liên danh.

+ *Thị trường nước ngoài:* Tiếp tục mở rộng thị trường sang các nước như: Lào, và các nước khác nhằm khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực khai thác mỏ và công trình giao thông.

+ *Đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết để thực hiện đấu thầu các gói thầu thi công không thuộc thế mạnh của Công ty.* Mục tiêu cạnh tranh trong đấu thầu thông

qua lợi thế về thương hiệu, uy tín và hiệu quả tổng hợp của 3 yếu tố: Chất lượng, giá cả, tiến độ.

– *Chiến lược nâng cao năng lực quản lý và thi công*: Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác thiết kế và thi công. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa thiết bị công nghệ thi công, tạo sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp với thị trường và nhu cầu của khách hàng trong nước cũng như quốc tế để tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty.

– *Chiến lược kinh tế, quản lý tài chính*

+ Nâng cao chất lượng công tác ký kết hợp đồng kinh tế, chú trọng đến nguồn vốn và khả năng thanh toán của Chủ đầu tư.

+ Tiếp tục xây dựng các quy định nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Công ty.

+ Tiếp tục thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không phù hợp với các ngành nghề truyền thống của Công ty.

– *Chiến lược phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

+ Phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn và tay nghề chất lượng cao đảm bảo năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế.

+ Ban hành các chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng, việc làm, phúc lợi xã hội, xem xét hỗ trợ một phần kinh phí và tạo điều kiện cho CBCNV học tập và nâng cao trình độ, nhằm khuyến khích CBCNV cũng như thu hút lực lượng lao động có trình độ cao về làm việc tại Công ty.

– *Chiến lược phát triển văn hóa doanh nghiệp và chính sách chất lượng*

+ Tiếp tục vận dụng có hiệu quả hệ thống quản lý quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 trong toàn Công ty.

+ Duy trì và phát huy giá trị truyền thống, phát triển mọi nguồn lực với mục tiêu: Năng suất lao động, tiến độ thi công, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế ngày một tốt hơn, thỏa mãn tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

– *Chiến lược phát triển công nghệ thông tin*

+ Tiếp tục nghiên cứu công nghệ thi công tàu điện ngầm, các công trình trọng lòng đất để chuẩn bị sẵn sàng cho việc đầu tư các thiết bị công nghệ này khi có điều kiện khả thi;

+ Chuẩn hoá các quy trình quản lý dự án như quản lý chất lượng, tiến độ, quản lý rủi ro, quản lý vật tư thiết bị và quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường để theo kịp việc quản lý các dự án có quy mô lớn. Tập trung vào việc đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động của Công ty và đầu tư cho công tác đào tạo của Công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

– Phát triển bền vững theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa các dịch vụ xây lắp.

- Lấy hiệu quả kinh tế, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp làm nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo hài hòa các lợi ích: Nhà nước, khách hàng, cổ đông và người lao động.
- Tham gia các phong trào, hoạt động hỗ trợ cộng đồng, đóng góp ngày càng nhiều lợi ích cho cuộc sống con người và xã hội.

5. Các rủi ro

- Chính sách pháp luật (chính sách thuế), thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Tỷ giá, giá cả các loại vật tư đầu vào như sắt thép, nhiên liệu tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Đặc biệt do đặc thù các dự án thủy điện có thời gian thi công kéo dài, hợp đồng đấu thầu không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu tăng làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty.
- Ngày nay do các vấn đề về ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng khan hiếm, cạn kiệt và sự mất cân bằng về môi trường sinh thái dẫn đến thị trường xây dựng các nhà máy thủy điện dần thu hẹp làm ảnh hưởng đến việc phát triển ngành nghề truyền thống của Công ty. Việc thâm nhập thị trường mới như tàu điện ngầm, nhà máy điện hạt nhân...vẫn là thách thức đối với Công ty.
- Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid kéo dài, CTCP Sông Đà 10 cũng không nằm ngoài sự tác động của dịch bệnh, theo đó chi phí di chuyển lực lượng thi công đến các công trường tăng cao làm cho lợi nhuận của Công ty giảm.
- Các dự án chỉ định thầu không còn, theo đó Công ty phải cạnh tranh để có được dự án dẫn tới lợi nhuận thấp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động SXKD

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐH ngày 30/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông, mặc dù bối cảnh chung còn nhiều thách thức, tuy nhiên tập thể lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV cùng quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để thực hiện các mục tiêu sản xuất và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, thể hiện qua các công tác như sau:

- Công tác chỉ đạo điều hành tại các công trình trọng điểm: Thực hiện giao ban trực tuyến hằng tuần đối với tất cả các đơn vị trực thuộc. Giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình thi công tại công trường và công tác điều hành SXKD.
- Công tác tổ chức các nguồn lực thi công: Tập trung đầy đủ các nguồn lực về vốn, con người và thiết bị sẵn sàng thi công theo kế hoạch. Bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất.
- Công tác thị trường: Trong năm 2021, Công ty đã ký được các hợp đồng mới với giá trị 706,750 tỷ đồng/KH 1.000 tỷ đồng, đạt 70,68% kế hoạch, cụ thể như sau: (1) HĐ thi công một phần gói thầu 37 (XL05) dự án thủy điện Yaly giá trị 307 tỷ đồng; (2) Phụ lục hợp đồng thi công công trình thủy điện Đăkmi2 giá trị 95,55 tỷ đồng; (3) HĐ thi công gói thầu BP.03 thi công tuyến năng lượng thuộc dự án thủy điện Đăkmi1 giá trị 263 tỷ đồng; (4) Khối lượng bổ sung tại dự án thủy điện nam

Emoun giá trị 35,2 tỷ đồng; (5) Các gói thầu đang chờ kết quả: Gói thầu 1A - các hầm và kết cấu hầm thuộc dự án thủy điện Namphak tại Lào giá trị 26 triệu USD.

– Công tác tài chính - tín dụng: Đảm bảo đủ vốn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh. Thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và chế độ cho người lao động. Cơ bản đáp ứng đủ vốn cho hoạt động SXKD, đảm bảo việc trả nợ gốc và lãi cho các tổ chức tín dụng và khách hàng. Tuy nhiên Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ, dẫn đến việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước và thanh toán lương cho người lao động bị chậm.

– Công tác quản lý kinh tế: Phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư, Tư vấn giải quyết kịp thời các vướng mắc về thi công tạo công trường, các vấn đề kinh tế, cơ chế thanh toán,... nhằm đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán với Chủ đầu tư.

– Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động: Công tác thiết kế biện pháp tổ chức thi công và lập hồ sơ trước khi thi công được Công ty thực hiện tốt. Các biện pháp Công ty đưa ra có tính hiệu quả cao và phù hợp với các điều kiện thực tế thi công, năng lực thiết bị cũng như yêu cầu của công trình. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn bảo hộ lao động trong thi công. Đặc biệt Công ty thường xuyên huấn luyện nội quy vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho người lao động. Theo dõi thường xuyên và bám sát tiến độ thi công tại các công trường. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về công tác vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ và công tác phòng cháy chữa cháy.

b) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.000,000	999,497	100%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.100,000	1.081,733	98%
3	Các khoản nộp Ngân sách	Tỷ đồng	42,000	43,834	104%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,400	-5,763	-69%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,206	-14,265	-339%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu đồng	13,880	17,777	128%
7	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	68,000	3,958	6%

Chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty không hoàn thành kế hoạch đề ra và bị lỗ do:

+ Giá cả vật liệu xây dựng năm 2021 tăng theo đó làm giảm lợi nhuận của Công ty.

+ Một số công trình thi công của Công ty mẹ khi quyết toán bị xuất toán/giảm doanh thu nên bị lỗ như: (1) Công trình Đồng Nai 5 lỗ 7,872 tỷ; (2) Công trình Huội Quảng 2,211 tỷ đồng; Công trình Đèo Cả 15,538 tỷ

+ Dịch bệnh Covid tiếp tục ảnh hưởng và kéo dài nên việc di chuyển nhân lực, vật lực, chi phí cách ly y tế của Công ty tăng so với dự kiến.

- Chỉ tiêu giá trị đầu tư: Công tác tìm kiếm việc làm của Công ty không đạt kế hoạch đề ra, theo đó Công ty đã chủ động dừng tiến độ dự án đầu tư thiết bị.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

– Ông Trần Văn Tấn

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 19/11/1961

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Nam, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 6.024.753 cổ phần. Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 24.753 cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn của Nhà nước : 6.000.000 cổ phần

Quá trình Công tác

5/1985 - 10/1987 : Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Hàm 2, Công ty XD Công trình ngầm tại Hòa Bình.

11/1987 - 12/1989 : Khu trưởng Xí nghiệp Hàm 2, Công ty XD Công trình Ngầm, thủy điện Hòa Bình.

01/1990 - 12/1993 : Phó giám đốc Xí nghiệp hầm 2, Công ty xây dựng công trình ngầm, thủy điện Hòa Bình.

01/1994 - 07/2000 : Phó giám đốc Xí nghiệp hầm 2, Công ty xây dựng công trình ngầm, thủy điện Yaly, Gia Lai

8/2001 - 05/2003 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.2, Công ty Sông Đà 10

12/2003 - 07/2011 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.6, Công ty cổ phần Sông Đà 10.

08/2011 - 04/2015 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10 kiêm giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.6

04/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10.

– Ông Lục Đức Tiên

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Giới tính: Nam, sinh ngày: 02/01/1962

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Vân An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Địa chỉ trường trú: Phường Tân Thịnh, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Số điện thoại liên lạc: 024 37684839
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm
Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 2.340 cổ phần (Sở hữu cá nhân).

Quá trình công tác

9/1986 - 9/1988 : Nhân viên kỹ thuật hiện trường, Xí nghiệp 1, Công ty xây dựng công trình ngầm tại Hòa Bình
10/1988 - 8/1989 : Kíp trưởng Xí nghiệp hầm 1, Công ty XD CT ngầm.
9/1989 - 10/1990 : Khu trưởng Xí nghiệp hầm 1, Công ty XD CT ngầm.
11/1990 - 12/1993 : Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty XD CT ngầm
1/1994 - 11/1997 : Phó phòng kỹ thuật Công ty XD công trình ngầm
12/1997 - 12/2000 : Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Sông Đà 10
1/2001 - 12/2001 : Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Sông Đà 10
1/2002 - 12/2005 : Phó giám đốc Công ty Sông Đà 10
01/2006 Đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 10

– Ông Trần Đình Tú

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty
Giới tính: Nam, sinh ngày: 21/05/1972
Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
Quê quán: Gia Vượng, Gia Viễn, Ninh Bình
Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.

Quá trình Công tác

6/1994 - 11/1997 : Nhân viên phòng KTKH - Công ty Sông Đà 4
11/1997 - 8/1998 : Phó Kế toán trưởng - Công ty Sông Đà 10 - tại Biên Hòa - Đồng Nai
8/1998 - 6/2003 : Trưởng ban Tài chính Kế toán - Công ty Sông Đà 8
6/2003 - 01/2005 : Nhân viên phòng TCKT Công ty Sông Đà 10
02/2005 - 04/2010 : Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10
05/2010 - 03/2017 : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10
04/2017 - 9/2018 : Trưởng phòng kiểm soát nội bộ CTCP Sông Đà 10
10/2018 đến nay : Phó Tổng giám đốc CTCP Sông Đà 10

– Ông Phạm Hoàng Phương

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty
Giới tính: Nam, sinh ngày: 25/11/1979

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
Quê quán: Minh Tân - Phú Xuyên - Hà Nội
Số điện thoại liên lạc: 024 37683998
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng công trình ngầm và mỏ
Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.

Quá trình Công tác

8/2001 - 5/2004 : Cán bộ kỹ thuật Công ty Sông Đà 10
5/2004 - 3/2005 : Phó phòng kỹ thuật Ban điều hành hầm Hải Vân
3/2005 - 6/2009 : Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật XN Sông Đà 10.2
7/2009 - 4/2014 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 10.2
5/2014 -9/2015 : Phó GD Ban điều hành dự án Đèo Cả
10/2015 -11/2016 : Phó GD XN Sông Đà 10.4, Chỉ huy trưởng công trình hầm Đèo Cả
12/2016 -01/2019 : Phó GD XN Sông Đà 10.2
02/2019 - 7/2019 : Giám đốc BDH dự án Nam Emoun
8/2019 đến nay :
Phó TGD Công ty, Giám đốc BDH dự án Nam Emoun

– Ông Nguyễn Thế Bảo

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty
Giới tính: Nam, sinh ngày: 12/02/1969
Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
Quê quán: Trục Đông, Trục Ninh, Nam Định
Số điện thoại liên lạc: 024 37683998
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.

Quá trình Công tác

7/1993 - 9/1994 : Cán bộ kỹ thuật cơ khí, Công ty XDCT Ngầm
10/1997 - 12/2004 : Quản đốc phân xưởng sửa chữa - XN Cơ khí
1/2005 - 10/2017 : Phó giám đốc XN Sông Đà 10.2
11/2017 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 10

– Ông Nguyễn Trung Kiên

Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty
Giới tính: Nam, sinh ngày: 20/09/1981
Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh
Quê quán: Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình
Địa chỉ thường trú: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
Số điện thoại liên lạc: 024 37683998

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.170 cổ phần (Sở hữu cá nhân).

Quá trình Công tác

- 8/2003 - 10/2005 : Nhân viên phòng TCKT - XN Sông Đà 10.3 - Công ty Sông Đà 10
- 11/2005 - 10/2006 : Phó Kế toán trưởng XN Sông Đà 10.3 - Công ty Sông Đà 10
- 11/2006 - 4/2008 : Kế toán trưởng chi nhánh Sông Đà 4.10 - Công ty Sông Đà 4
- 8/2008 - 12/2015 : Kế toán trưởng XN Sông Đà 10.6 - CTCP Sông Đà 10
- 01/2016 - 2/2017 : Phó ban Kiểm soát nội bộ Công ty
- 3/2017 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 10

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành

– *Thay đổi thành viên HĐQT:*

+ Ông Phạm Văn Tăng và ông Phạm Hoàng Phương là thành viên HĐQT kể từ ngày 30/6/2021.

+ Ông Bùi Xuân Thi và ông Lục Đức Tiến không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày 30/6/2021.

– *Thay đổi thành viên Ban kiểm soát:*

+ Kể từ ngày 30/6/2021 bà Lê Thị Mai Hương làm trưởng ban kiểm soát thay thế bà Phạm Thị Thanh Loan.

+ Bà Phạm Thị Thanh Loan thôi làm thành viên ban kiểm soát kể từ ngày 30/6/2021.

+ Bà Vũ Thị Tố Nga làm thành viên ban kiểm soát từ ngày 30/6/2021.

– *Thay đổi trong ban Tổng giám đốc điều hành:* Không

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động

– Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số CBCNV của Công ty là: 848 người.

– Định biên lực lượng lao động trong toàn Công ty từ các Xí nghiệp, phòng ban đến các Tổ, Đội sản xuất.

– Giải quyết đầy đủ các chế độ cho người lao động.

– Huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) **Các khoản đầu tư:** Trong năm 2021 Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị và đầu tư góp vốn với tổng giá trị là: 3,958 tỷ đồng.

Trong đó: + Đầu tư các dự án nâng cao năng lực thi công: 819 triệu đồng

+ Góp vốn vào dự án La Sơn Túy Loan: 3,139 tỷ đồng

b) Tình hình thực hiện các dự án

b.1) Sản lượng thực hiện tại các công trình lớn: Hầu hết các dự án do Công ty thi công đều đạt và vượt tiến độ cũng như đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế, cụ thể như sau:

STT	Dự án	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Thủy điện Nam Emoun	10 ⁶ đồng	483.024	486.849	100,8%
2	Thủy điện Đăkmi2	10 ⁶ đồng	135.998	142.226	104,6%
3	Thủy điện Xekaman3	10 ⁶ đồng	26.000	252.988	973,0%
4	Thủy điện Thượng Kon Tum	10 ⁶ đồng		51.732	
5	Thủy điện Yaly mở rộng	10 ⁶ đồng		43.930	
6	Kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	53.000	57.383	108,3%

b.2) Thực hiện các mốc tiến độ thi công

- Dự án thủy điện Nam Emoun: Công tác đào và gia cố hầm tại tất cả các gương hầm thi công đều vượt tiến độ từ 10 đến 85 ngày tùy theo từng gương hầm; Công tác bê tông hầm đạt và vượt tiến độ.

- Dự án thủy điện Đăkmi2 (Chỉ thi công công tác bê tông): Đảm bảo tiến độ tại các gương hầm. Riêng gương hầm số 1 chậm 20 ngày so với thiết kế, nguyên nhân do địa chất xấu phải đổ bê tông phản áp, khoan phun gia cố, đổ bê tông những đoạn bị biến dạng.

- Các dự án còn lại: Đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Các Công ty con: Trong năm 2021, Công ty không đầu tư thêm vốn vào các Công ty con. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu trong năm của các công ty như sau:

- Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1

- + Giá trị SXKD : 94,798 tỷ đồng
- + Doanh thu: : 113,459 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế (lỗ) : (15,578) tỷ đồng

- Công ty CP thủy điện Nậm He

- + Giá trị SXKD : 57,383 tỷ đồng
- + Doanh thu : 52,094 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế (lỗ) : (5,387) tỷ đồng

4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty**a) Tình hình tài chính (Đơn vị tính: Đồng)**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.968.349.020.451	2.755.471.329.182	-7,2%
Doanh thu thuần	959.739.060.144	1.075.334.129.048	12,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.120.352.628	5.309.945.961	-67,1%
Lợi nhuận khác	-2.553.168.323	-11.073.264.175	333,7%
Lợi nhuận trước thuế	13.567.184.305	-5.763.318.214	-142,5%
Lợi nhuận sau thuế	-4.474.556.487	-14.265.455.974	218,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4,0%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,40	1,38	
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,06	1,14	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,69	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,43	2,28	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	1,51	-2,10	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,39	
4. Chỉ tiêu sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,47%	-1,33%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,52%	-1,70%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,15%	-0,52%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,68%	0,49%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 42.732.311 cổ phần

Tổng số cổ phần chuyển nhượng tự do : 42.732.311 cổ phần

Số phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b) **Cơ cấu cổ đông:** Tại thời điểm 23/3/2021. (Từ 23/3/2021 đến thời điểm lập và công bố báo cáo này, Công ty chưa có thêm đợt chốt danh sách cổ đông)

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ)	1.618	42.732.311	100%
	- Cổ đông lớn	1	26.607.407	62,27%
	- Cổ đông nhỏ	1.617	16.124.904	37,73%
2	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân)	1.618	42.732.311	100%
	- Cổ đông tổ chức	27	31.015.888	72,58%
	- Cổ đông cá nhân	1.591	11.716.423	27,42%
3	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài)	1.618	42.732.311	100%
	- Cổ đông trong nước	1.556	40.423.293	94,60%
	- Cổ đông nước ngoài	62	2.309.018	5,40%
4	Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (Cổ đông nhà nước và cổ đông khác)	1.618	42.732.311	100%
	- Cổ đông Nhà nước	1	26.607.407	62,27%
	- Cổ đông khác	1.617	16.124.904	37,73%

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm 2021 Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Năm 2021 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, hầm đường bộ. Nguyên vật liệu chủ yếu dùng cho hoạt động này bao gồm: Vật liệu nổ, vật liệu khoan, xi măng, sắt thép, cát, đá,...

Công ty đã ban hành đầy đủ các quy định về mua sắm, quản lý và sử dụng nguồn nguyên vật liệu đầu vào. Phân cấp quản lý từ cấp cơ sở

6.2 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản tại các công trình, các biện pháp xử lý chất thải độc hại sản sinh trong quá trình thi công theo yêu cầu.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.3 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 848 người. Mức lương trung bình: 17,7 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- + Giải quyết đầy đủ chế độ về tiền lương và chế độ khác cho người lao động;
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về chế độ bảo hiểm đối với người lao động;
- + Hằng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- + Thường xuyên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo CBCNV như: Đào tạo giám sát thi công xây dựng và chỉ huy trưởng công trình cho 08 cán bộ. Đào tạo chuyên giao công nghệ máy khoan mới cho đội ngũ thợ vận hành. Bồi dưỡng thi nâng bậc theo định kỳ cho đội ngũ công nhân kỹ thuật.

6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

+ Công ty chấp hành nghiêm túc các quy định của địa phương tại nơi tham gia công trình xây dựng;

- + Tham gia đầy đủ các hoạt động cộng đồng do địa phương phát động;
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về hỗ trợ tài chính phục vụ an sinh xã hội.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– **Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:** Năm 2021, Ban Tổng giám đốc đã tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kinh tế, kết quả đạt được như sau:

- + Giá trị SXKD: Thực hiện 999,497 tỷ đồng/kế hoạch 1.000 tỷ đồng, đạt 100%
- + Doanh thu: Thực hiện 1.081,733 tỷ đồng/kế hoạch 1.100 tỷ đồng, đạt 98%
- + Các khoản nộp Nhà nước: Thực hiện 43,834 tỷ đồng/kế hoạch 42 tỷ đồng, đạt 104% (năm 2021, Công ty xác định bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với Công ty có giao dịch liên kết và nộp bổ sung theo Kế tquar thanh tra ngày 28/12/2021 của Cục thuế TP Hà Nội. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung là 14, 448 tỷ đồng)

- + Lợi nhuận trước thuế: Thực hiện lỗ 5,763 tỷ đồng/KH lãi 8,4 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: Thực hiện lỗ 14,265 tỷ đồng/KH lãi 4,206 tỷ đồng
- + Giá trị đầu tư: Thực hiện 3,958 tỷ đồng/kế hoạch 68 tỷ đồng, đạt 06%
- + Tỷ lệ cổ tức: Năm 2021, báo cáo Hợp nhất của Công ty bị lỗ nên Công ty không chia cổ tức.

Báo cáo các chỉ tiêu kinh tế không đạt kế hoạch: Công ty không hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận, khoản nộp Ngân sách và giá trị đầu tư so với kế hoạch: Nguyên nhân đã phân tích tại mục II.1.b

– **Những mặt Công ty đã đạt được**

Mặc dù trong năm điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty hoàn thành các mục tiêu như sau:

+ Hoàn thành vượt và đạt hầu hết các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình đang thi công (Riêng hạng mục nhà van thuộc công trình Xekaman 3 chậm tiến độ do phát sinh công việc ngoài hợp đồng và thiếu nhân lực thi công do ảnh hưởng dịch Covid 19);

+ Hoàn thành quyết toán một số công trình đã thi công xong: Thượng Kon Tum; Sử Pán 1;

+ Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán tại các công trình: Xekaman3, Nam Emoun, Đăkmi2;

+ Đảm bảo đủ nguồn lực về: Thiết bị, lực lượng lao động phục vụ sản xuất;

+ Duy trì và đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Thanh toán đầy đủ các chế độ cho người lao động;

+ Sửa và ban hành lại Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp;

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát trong nội bộ Công ty theo kế hoạch.

- Những tồn tại

+ Chưa chú trọng công tác kiểm tra giám sát chất lượng thi công, theo đó không đảm bảo yêu cầu thiết kế của Chủ đầu tư (hạng mục Bể điều áp khí nén tại công trình thủy điện Thượng Kon Tum);

+ Tiến độ thi công một số công trình còn bị chậm có nguyên nhân chủ quan do công tác chỉ đạo điều hành chưa bám sát tiến độ thi công;

+ Công tác hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật tại một số đơn vị chưa tốt dẫn đến chậm trễ trong công tác nghiệm thu thanh toán;

+ Công tác kiểm tra nhắc nhở việc tuân thủ an toàn lao động tại một số công trình chưa thường xuyên, kịp thời dẫn đến sự lơ là, mất cảnh giác dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho người lao động trực tiếp thi công dẫn đến tai nạn đáng tiếc xảy ra.

2. Tình hình tài chính: Tài sản; Nợ phải trả

Tổng tài sản cuối năm 2021 đã giảm so với 2020, theo đó chủ yếu giảm các khoản nợ phải trả khách hàng; Ngân hàng và giảm hàng tồn kho. Các khoản công nợ phải trả và hàng hóa tồn kho của toàn Công ty đã giảm so với đầu năm, theo đó tỷ trọng các khoản nợ cũng có sự thay đổi (giảm) so với đầu năm, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng/giảm
I	Tình hình tài sản			
1	Tổng tài sản	2.755.471.329.182	2.968.349.020.451	-7,2%
2	Tài sản ngắn hạn	1.984.323.015.422	2.147.622.321.025	-7,6%
3	Tài sản dài hạn	771.148.313.760	820.726.699.426	-6,0%
II	Tình hình nợ phải trả			
1	Tổng nợ phải trả	1.914.511.916.258	2.103.249.197.130	-9,0%
	(Trong đó: Nợ Ngân hàng)	1.055.373.522.497	1.168.461.331.145	-9,7%
2	Nợ ngắn hạn	1.439.509.162.261	1.538.483.517.240	-6,4%
3	Nợ dài hạn	475.002.753.997	564.765.679.890	-15,9%
III	Tỷ lệ			
1	Nợ phải trả/Tổng tài sản	69,48%	70,86%	-1,9%
2	Nợ phải trả NH/Tổng nợ phải trả	55,12%	55,56%	-0,8%

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục sắp xếp quy mô các đơn vị trực thuộc, các tổ đội sản xuất tại các đơn vị để khai thác tối đa hiệu suất làm việc của thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực;
- Triển khai các lớp bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quản lý, đào tạo lớp thực hành nghề khoan, nổ mìn, phun vữa, bổ túc nâng cao tay nghề cho công nhân lao động;
- Tập trung chỉ đạo thi công tại các công trình trọng điểm. Đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ cam kết với Chủ đầu tư.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành trong công tác nghiệm thu thanh toán để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.
- Tiếp tục tham gia tiếp thị, đấu thầu các dự án đã có chủ trương đầu tư được phê duyệt với tư cách là nhà thầu độc lập, liên danh hoặc là nhà thầu phụ.
- Giải quyết dứt điểm các vướng mắc về kinh tế với Chủ đầu tư;
- Tiếp tục rà soát, phân loại, lập kế hoạch và biện pháp chi tiết thu hồi các khoản công nợ, đặc biệt các khoản nợ khó đòi, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất.;
- Tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp không thuộc ngành nghề chính của Công ty hoặc doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả;
- Sắp xếp hợp lý, nguồn lực về con người và thiết bị trước khi thi công;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trên toàn diện các lĩnh vực của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình, biện pháp kỹ thuật an toàn trong thi công. Huấn luyện an toàn cho người lao động trước khi vận hành máy móc thiết bị, an toàn trong công tác vận chuyển, bảo quản sử dụng vật liệu nổ và công tác phòng chống cháy nổ;

- Tăng cường công tác quản lý tiến độ thi công và giám sát, nghiệm thu chất lượng nội bộ. Nghiên cứu đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng công tác thiết kế biện pháp tổ chức thi công nhằm đưa ra các công nghệ, biện pháp thi công tối ưu nhất để đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm giá thành;
- Nâng cao chất lượng các nguồn lực, đảm bảo đời sống cho CBCNV, tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp giữ vững uy tín của Công ty. Tăng cường hơn nữa các phong trào thi đua lao động sản xuất nhằm phát huy tối đa năng suất lao động của thiết bị và con người;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021

(Số liệu chi tiết và phân tích nguyên nhân đã nêu tại mục II.1.b)

Tuy vẫn gặp nhiều khó khăn như đã phân tích tại mục II.1.b, nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì hoạt động ổn định, đặc biệt là đảm bảo tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký kết với các Chủ đầu tư.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm qua tập thể HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đã thông qua để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD Công ty, trong đó bao gồm các nội dung quan trọng như sau:
- Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền ban hành để Tổng giám đốc triển khai thực hiện.
- Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp để: Kiểm điểm tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và triển khai kế hoạch của quý tiếp theo; Quyết định hoặc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- HĐQT đã thực hiện việc giám sát đối với ban Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty do HĐQT ban hành.
- Quyết định hoặc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hàng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phê duyệt kế hoạch SXKD quý và kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD của quý trước. Việc chấp hành các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc điều hành của Tổng giám đốc.

Xét trên khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2021.

4. Kế hoạch năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm và phương hướng hoạt động

4.1 Kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

– Giá trị SXKD:	926,000 tỷ đồng
– Doanh thu:	896,213 tỷ đồng
– Các khoản nộp Ngân sách:	46,261 tỷ đồng
– Lợi nhuận trước thuế:	3,264 tỷ đồng
– Thu nhập BQ người/tháng:	14,03 triệu đồng

4.2 Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển các lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế như: Giao thông, năng lượng,...Đồng thời tiếp tục thông qua và triển khai các gói kích thích kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình mới;
- Thị trường xây dựng các đường hầm giao thông vẫn còn nhiều tiềm năng;
- Thiết bị của Công ty đã đầu tư đầy đủ và trong trạng thái sẵn sàng thi công.

b) Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh (Covid-19) diễn biến hết sức phức tạp và tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và hoạt động Công ty nói riêng. Đặc biệt là trong năm 2021, sản lượng chính của Công ty là các công trình ở nước ngoài nên việc đi lại qua các cửa khẩu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty;
- Phần lớn giá trị sản lượng năm 2022 của Công ty chưa có hợp đồng;
- Công tác thu hồi công nợ của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do Chủ đầu tư thiếu vốn, dẫn đến nguồn vốn cho SXKD bị ảnh hưởng;
- Lực lượng cán bộ công nhân viên đang bị thiếu hụt, việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn đặc biệt là đối với công nhân kỹ thuật. Lực lượng thợ lành nghề của Công ty thiếu do đến tuổi nghỉ hưu trong khi lực lượng trẻ mới tuyển dụng chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ tay nghề;
- Năng lực cạnh tranh của Công ty chưa cao.

4.3 Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, để hoàn thành các mục tiêu năm 2022, HĐQT Công ty đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, chỉ đạo xây dựng hệ thống kế hoạch SXKD năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông.
- Giữ hoạt động của Công ty ổn định, đáp ứng được các yêu cầu công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Cùng cố và nâng cao năng lực thi công, hiệu quả hoạt động quản lý điều hành của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch SXKD ngắn hạn và dài hạn để trình ĐHCĐ thông qua. Xây dựng kế hoạch SXKD hằng quý để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD quý được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.
- Đôn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính - tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD.
- Lập kế hoạch đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ thi công với giá trị dự kiến 30 tỷ đồng để thay thế các thiết bị cũ, hỏng để thi công các dự án mới (thủy điện Đăkmil, thủy điện NamPhak,...)
- Chỉ đạo công tác tiếp thị, đầu thầu để tìm kiếm đủ việc làm cho năm 2022 và những năm tiếp theo. Mục tiêu trong năm 2022 phải ký hợp đồng nhận thầu thi công với giá trị 1.000 tỷ đồng.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác thoái vốn khoản đầu tư tài chính vào công ty con và các đơn vị khác theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho CBCNV trong giai đoạn dịch bệnh Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp như hiện nay.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:** Gồm 05 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Trần Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	23,40%	
2	Trần Văn Tấn	TV. HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6.632.160	15,52%	
3	Đỗ Đức Mạnh	TV. HĐQT	5.000.000	11,70%	
4	Phạm Văn Tăng	TV. HĐQT	5.000.000	11,70%	
5	Phạm Hoàng Phương	Phó TGD - TV. HĐQT		0,00%	Từ 30/6/2021

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập tiểu ban. Các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ theo phân công, trong đó có sự phân công cụ thể từng lĩnh vực đối với các thành viên.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch đề trình cấp có thẩm quyền (kế hoạch năm) hoặc ban hành để Tổng giám đốc triển khai thực hiện (kế hoạch quý) thực hiện việc giám sát đối với ban Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ do HĐQT ban hành. Trong năm đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, các thành phần tham gia dự họp đầy đủ.

Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp. Nội dung và kết quả của các cuộc họp quyết định các vấn đề cơ bản sau đây:

STT	Phiên họp	Nội dung chủ yếu	Số thành viên tham dự họp	Kết quả biểu quyết tán thành
1	05/03/2021	Công tác cán bộ	5	100%
2	25/03/2021	Kết quả SXKD quý 1 và kế hoạch quý 2	5	100%
3	07/05/2021	Công tác cán bộ	5	100%
4	11/06/2021	Duyệt tài liệu Đại hội đồng cổ đông	5	100%
5	30/06/2021	Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025	5	100%
6	16/11/2021	Kết quả SXKD quý 3 và kế hoạch quý 4	5	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Nhiệm vụ của thành viên hội đồng quản trị độc lập giống như trách nhiệm và nghĩa vụ của một thành viên HĐQT khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan. Theo đó thành viên HĐQT độc lập có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối đa của cổ đông và của Công ty.

Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Công ty và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận.

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

Do chưa sắp xếp được thời gian nên các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty chưa tham dự các lớp học về quản trị công ty tại các cơ sở được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên sau đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Lê Thị Mai Hương	Trưởng ban			Từ ngày 30/6/2021
2	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên			
3	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên			Từ ngày 30/6/2021

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

b.1 Đánh giá hoạt động của ban kiểm soát

- Các thành viên Ban kiểm soát đều là thành viên kiêm nhiệm, thường xuyên trao đổi thông tin về các hoạt động của Công ty thuộc lĩnh vực được phân công.

- Tham dự các cuộc họp HĐQT, theo đó nắm bắt và theo dõi sát sao các hoạt động của Công ty. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc

- Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty; Xem xét báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam;

b.2 Số lượng, nội dung và kết quả các cuộc họp của BKS

STT	Phiên họp	Nội dung chủ yếu	Số thành viên tham dự họp	Kết quả biểu quyết tán thành
1	Phiên 1	Thông qua báo cáo của BSK trình Đại hội đồng cổ đông	3/3	100%
2	Phiên 2	Bầu trưởng ban kiểm soát	3/3	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Đơn vị tính: Đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
A	B	C	1	2	3=1+2
1	Trần Tuấn Linh	Chủ tịch HĐQT	540.000.000		540.000.000
2	Trần Văn Tấn	TV HĐQT kiêm TGD	468.000.000	36.000.000	504.000.000
3	Lục Đức Tiến	TV HĐQT kiêm P.TGD	384.000.000	18.000.000	402.000.000
4	Đỗ Đức Mạnh	TV HĐQT		36.000.000	36.000.000
5	Bùi Xuân Thi	TV HĐQT	192.000.000		192.000.000
6	Phạm Văn Tăng	TV HĐQT		18.000.000	18.000.000
7	Nguyễn Thế Bảo	Phó TGD	384.000.000		384.000.000
8	Trần Đình Tú	Phó TGD	384.000.000		384.000.000
9	Phạm Hoàng Phương	Phó TGD	384.000.000	18.000.000	402.000.000
10	Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng	348.000.000		348.000.000
11	Phạm Thị Thanh Loan	Trưởng BKS	156.000.000		156.000.000
12	Lê Thị Mai Hương	TV BKS		30.000.000	30.000.000
13	Nguyễn Văn Thanh	TV BKS	240.000.000	24.000.000	264.000.000
14	Trần Thị Tố Nga	TV BKS		12.000.000	12.000.000
	Tổng cộng		3.480.000.000	192.000.000	3.672.000.000

b) **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:** Không có

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không có

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về quản trị Công ty. Thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị Công ty hàng quý, bán niên và hàng năm đến các cơ quan quản lý Nhà nước và các nhà đầu tư.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến của Kiểm toán tại thư kiểm toán số 316/BCKT-TC/AVA ngày 28/3/2022 như sau:

“...Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Địa chỉ Website công bố, cung cấp báo cáo tài chính của Công ty: **songda10.com.vn**

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: TCKT.

qu

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Dân